

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2021
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh P

Ông Trần Văn Đ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thanh D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Y – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 595/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 672/2021/QĐST – DS và các thông báo thay đổi thời gian xét xử của Tòa án giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Trọng T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Chị L và anh Trần Trọng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng đến năm 2018 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 10/9/2018. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều

mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không lo làm ăn, chăm lo cho cuộc sống gia đình. Nhiều lần chị khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi nên hôn nhân không hạnh phúc. Do không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị đã sống ly thân. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị L khai chị và anh T có 01 con chung là Phan Thị Tuyết M, sinh ngày 17/11/2007. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có.

Do tình hình dịch bệnh chị xin được vắng mặt tại phiên xét xử.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Trọng T nhưng anh T không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; giao con chung cháu Phan Thị Tuyết M cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị L không có nên không xem xét. Về án phí buộc chị L phải chịu theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng T, địa chỉ: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn anh Trần Trọng T cư trú tại huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Trọng T đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Trần Trọng T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp

giấy chứng nhận kết, việc kết hôn chị L khai do cả hai tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Phan Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trọng T với lý do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh T thường xuyên uống rượu bia say xỉn, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình.

Xét thấy, Theo lời khai của chị L thì cuộc sống hôn nhân của chị L và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải được, vợ chồng không còn yêu thương lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không chấp hành, cho thấy thái độ bỏ mặc, không tích cực hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Qua lời khai của chị L và qua xác minh địa phương xác định chị và anh T có 01 con chung là Phan Thị Tuyết M, sinh ngày 17/11/2007. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, quyền được nuôi dưỡng, giáo dục con chung là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị L thì anh T có lối sống không lành mạnh. Ngoài ra, anh T cũng không thực hiện quyền lợi của mình là đến Tòa án trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó, chị L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng kinh tế để nuôi con. Cháu M cũng có nguyện vọng được sống với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Phan Thị Tuyết M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo sự phát triển cho trẻ, phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” của chị Phan Thị L đối với anh Trần Trọng T.

Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Trần Trọng T.

Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phan Thị Tuyết M, sinh ngày 17/11/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Trọng T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001292 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai, chị L đã nộp xong án phí.

3. Chị L, anh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND TT H
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy T